TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/DS-PT
Ngày: 16 - 01- 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản, hợp đồng bơm cát và yêu cầu bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan
Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2017/TLPT-DSPT ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản, hợp đồng bơm cát và yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2017/QĐPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tấn Th (T), sinh năm 1983; Cư trú tại số 230, ấp 4, xã B, huyện Th , tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th : Ông Trần Anh L , sinh năm 1960; Cư trú tại số 441, ấp H, xã H, thành phố C , tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Th : Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H – Văn phòng Luật sư Quỳnh H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn T .
Địa chỉ: Số 54A, ấp B, xã L, thành phố C , tỉnh Cà Mau.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thanh T , chức vụ Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Thành S , sinh năm 1980; Cư trú tại số 124, L, xã L, Phường 8, thành phố C , tỉnh Cà Mau - Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 3 năm 2017 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Công ty trách nhiệm hữu hạn X

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Sĩ Ng , sinh năm 1972 - chức vụ Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 251/5A, khu phố 2 đường V, phường A, quận X , Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh Nguyễn Tấn Đ , sinh năm 1979; Cư trú tại tổ X, ấp T, xã T, thành phố C , tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. Ông Trần Anh L , sinh năm 1960; Cư trú tại số 441, ấp H, xã H, thành phố C , tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L : Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H – Văn phòng Luật sư Quỳnh H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

4. Anh Phạm Văn Ph , sinh năm 1975; Cư trú tại số 289, ấp B, xã B, huyện C , tỉnh An Giang (vắng mặt).

5. Anh Võ Văn Tr , tên gọi khác: D,V , sinh năm 1979; Cư trú tại ấp Đông Hòa, xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Phùng Bảo A , sinh năm 1970; Cư trú tại khu k xã B, thành phố T , tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là Công ty TNHH T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Tg (T) trình bày: Vào ngày 21/3/2015, anh có mua lại của anh Phạm Văn Ph một chiếc phà bơm cát (xà lan), đến tháng 4/2015 anh được anh A giới thiệu bơm cát gia công gói thầu số 12 đường Hồ Chí Minh thuộc ấp R, xã Đ, huyện N , tỉnh Cà Mau, do Công ty trách nhiệm hữu hạn T trúng thầu (gọi tắt là Công ty T). Khi tiến hành bơm cát cho Công ty T được bốn chiếc xà lan thì tạm ngừng do anh A không tiếp tục cung cấp cát. Trong thời gian này, phía ông Trương Văn T là giám đốc Công ty T yêu cầu anh tiếp tục bơm cát cho Công ty T với hình thức bơm chiếc nào tính tiền chiếc đó, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Trong quá trình bơm cát, anh đã ứng của Công ty T 150.000.000 đồng, đến khi hoàn thành công việc và sau khi đối trừ các khoản anh còn nợ lại Công ty T 95.000.000 đồng. Anh trả tiền cho Công ty T và điều phương tiện đi nhưng ông T không đồng ý và yêu cầu địa phương lập biên bản tạm giữ phương tiện phà bơm (xà lan) và toàn bộ ống nhựa dùng để bơm cát. Anh yêu cầu Công ty T có trách nhiệm giao trả tài sản cho anh mà phía Công ty T đang quản lý gồm: Một chiếc phà bơm (xà lan) có máy bơm hiệu Cummins, máy 6D22, máy D22, 474 ống nhựa và yêu cầu bồi thường thiệt hại mỗi ngày 4.000.000 đồng tính từ ngày 11/11/2015 đến ngày anh Th nhận lại được tài sản và yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng bơm cát giữa anh Th và Công ty T , anh Th sẽ trả lại cho Công ty T 95.000.000 đồng tiền nợ tạm ứng.

Bị đơn là Công ty T do người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Thành S trình bày: Vào ngày 27/3/2015, Công ty T và Công ty trách nhiệm hữu hạn X (gọi tắt là Công ty L) có ký hợp đồng số 55/HĐCCCAT với nội dung Công ty L thực hiện việc cung cấp cát cho Công ty T theo gói thầu số 12 thuộc dự án đường Hồ Chí Minh tại xã Đ, huyện N , tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng thỏa thuận khi Công ty L đem dàn bơm tới công trình, Công ty T sẽ cho Công ty L ứng 500.000.000

đồng. Do đó dàn bơm cát được đem tới công trình thì Công ty T đã cho Công ty L ứng 500.000.000 đồng. Khi lắp ráp ống nhựa từ máy bơm đến địa điểm bơm thì số ống nhựa bơm cát bị thiếu nên Công ty L yêu cầu được tạm ứng 500.000.000 để mua ống nhựa. Do đó tổng số tiền Công ty T đã cho Công ty L tạm ứng là 1.000.000.000 đồng. Khi thực hiện việc bơm cát đến cuối tháng 4/2015 thì Công ty L không tiếp tục bơm cát theo hợp đồng đã ký kết và phần tiền ứng của Công ty T thì Công ty L không trả. Công ty T đã nhiều lần gửi văn bản cho Công ty L để yêu cầu thanh lý hợp đồng và yêu cầu trả khoản tiền ứng cho Công ty T nhưng Công ty L không gặp Công ty T để giải quyết. Trong thời gian không có cát bơm nên phương tiện xà lan bơm cát ngưng hoạt động thì Công ty T và anh Th có thỏa thuận cho xà lan tiếp tục bơm cát để đảm bảo tiến độ công trình nhưng bơm cát chiếc nào thanh toán tiền công dứt điểm chiếc đó, cát do Công ty T tự mua, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Công ty T cho anh Th ứng 150.000.000 đồng và đến ngày 08/10/2015 thì công trình hoàn thành, đối trừ các khoản thì anh Th còn nợ Công ty T 95.000.000 đồng. Do lúc này Công ty L cũng không đến để thanh toán số tiền tạm ứng cho Công ty T nhưng anh Th điều chuyển phương tiện phà (xà lan), ống bơm đi nơi khác nên Công ty T không đồng ý và yêu cầu địa phương lập biên bản tạm giữ toàn bộ tài sản để Công ty T quản lý chờ Công ty L đến giải quyết. Vì Công ty T cho rằng đây là tài sản của Công ty L đem đến sau khi hai bên ký kết hợp đồng cung cấp cát, không phải tài sản của anh Th . Công ty T có đơn tố cáo ông Trần Sỹ Ng về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Nay Công ty T yêu cầu Công ty L do ông Trần Sỹ Ng là giám đốc cùng anh Nguyễn Tấn Th phải liên đới hoàn trả cho Công ty T phần tiền tạm ứng còn lại 1.095.000.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty L phải chịu phạt hợp đồng do thực hiện chậm tiến độ theo nội dung cam kết trong hợp đồng số 55/HĐCCCAT ngày 27/3/2015 là 2% trên toàn bộ số lượng bị chậm trong thời gian 90 ngày, mỗi ngày 2.000m^3, khối lượng chậm 180.000m^3 theo đơn giá ký kết thấp nhất là 160.000m^3, tổng số tiền phạt là 576.000.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty L bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện hoàn lại tiền ứng 1.000.000.000 đồng theo cam kết với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định 9%/năm tính từ ngày 01/7/2015 đến ngày 01/3/2017 là 20 tháng = 150.000.000 đồng.

- Không đồng ý trả lại tài sản cho ông Th mà hiện nay Công ty T đang quản lý vì cho rằng đây là tài sản của Công ty L nên yêu cầu giữ để xử lý thi hành án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty L trình bày Tại bản khai ngày 05 tháng 4 năm 2016 và quá trình giải quyết vụ án như sau: Giữa Công ty L và Công ty T có ký kết hợp đồng số 55/HĐCCCA ngày 27/3/2015, Sau khi ký kết hợp đồng thì Công ty L thông qua anh Nguyễn Phùng Bảo A để thỏa thuận với anh T (tức là anh Nguyễn Tấn Thành) và anh Vương (tức là anh Võ Văn Tr) đứng ra bơm cát theo thỏa thuận giữa Công ty L với anh An. Công ty L đã cho anh A tạm ứng 60.000.000 đồng, và cho anh Th và anh Tr tạm ứng 50.000.000 đồng và cộng thêm khoản tiền ăn và một số thực phẩm khoản 10.000.000 đồng. Thỏa thuận với anh Th và anh Tr bơm cát xong chiếc nào thì thanh toán tiền dứt điểm tiền

công chiếc đó, anh Th và anh Tr bơm được 4 chiếc xà lan và đã được trả đủ tiền. Tiếp đó, anh Th và anh Tr yêu cầu tăng giá và Công ty L cũng đồng ý nhưng khi hẹn gặp để ký kết hợp đồng cụ thể thì phía anh Th và anh Tr không chịu gặp mặt và cố tình né tránh. Sau đó, anh Th điện thoại báo nếu Công ty L và anh A đem cát về chậm trễ thì anh Th sẽ rút phà bơm đi, đến ngày 30/5/2015 anh Th cho hay là đã rút phà bơm đi và không tiếp tục thực hiện việc bơm cát cho phía Công ty L nữa. Công ty L không có liên quan đến tài sản bị tạm giữ theo yêu cầu của anh Th , đối với số tiền Công ty L đã ứng cho anh Th và anh Tr đề nghị chuyển qua cho Công ty T và đề nghị vắng mặt, không tham gia giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Tấn Đ tại bản khai ngày 10 tháng 3 năm 2016, đơn vắng mặt và quá trình giải quyết vụ án anh Đ trình bày: Vào ngày 21/3/2015, anh cùng anh Nguyễn Tấn Thvà ông Trần Anh L có hùn vốn mua phà máy bơm của anh Phạm Văn Ph nhưng anh là người trực tiếp đứng tên giao dịch và ký kết với anh Ph . Sau đó, anh đã rút phần hùn lại và giao toàn bộ tài sản cho anh Th và ông L , hiện tại anh không còn liên quan gì đến tài sản trên. Phần tài sản giữa anh Th , ông L đang tranh chấp với Công ty T không còn liên quan gì đến anh nên anh không đặt ra yêu cầu gì và đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Trần Anh L tại bản giải trình ngày 25 tháng 3 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án ông L trình bày: Ông cùng với anh Nguyễn Tấn Đ và anh Nguyễn Tấn Thcó hùn mua của anh Phạm Văn Ph phà máy bơm, sau đó anh Đ rút lại phần hùn chỉ còn ông và anh Th , tiếp theo ông và anh Th có mua một số ống nhựa để thực hiện việc bơm cát nhưng khi có tranh chấp thì toàn bộ tài sản Công ty T quản lý không cho di chuyển đi. Ông chấp nhận theo ý kiến của anh Th yêu cầu Công ty T giao trả toàn bộ tài sản hiện Công ty T quản lý cho ông và anh Th và buộc Công ty T bồi thường thiệt hại trong thời gian tạm giữ tài sản từ ngày 10/11/2015 đến ngày ông và anh Th nhận lại được tài sản với số tiền bồi thường mỗi ngày 4.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn Ph trình bày: Ông Ph có bán cho anh Nguyễn Tấn Đ , anh Nguyễn Tấn Thvà ông Trần Anh L chiếc phà máy bơm, anh Đ trực tiếp ký kết hợp đồng. Việc tranh chấp không có liên quan đến ông nên ông đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Võ Văn Tr (Vương) tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 07 tháng 4 năm 2017 trình bày: Anh cùng với anh Th (T) đến xã Đ để bơm cát theo yêu cầu của anh Nguyễn Phùng Bảo A , anh chỉ là người làm công cho anh Th , còn việc thỏa thuận giữa anh Th và anh A thế nào anh không rõ. Đối với hợp đồng bơm cát giữa Công ty T và Công ty L anh không biết, việc tranh chấp không có liên quan gì đến anh vì anh chỉ là người làm công, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Phùng Bảo A tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 14 tháng 4 năm 2017 trình bày: Hợp đồng bơm cát giữa Công ty T và Công ty L thế nào anh không rõ nhưng phía Công ty L có gặp anh thỏa thuận việc bơm cát cho công trình dự án đường Hồ Chí Minh tại xã Đ,

huyện N , tỉnh Cà Mau (chỉ thỏa thuận bằng lời nói). Anh có gặp anh Th và thống nhất để anh Th thực hiện bơm cát tại địa điểm nêu trên và cũng chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Giữa anh Th và Công ty L không có giao kết hợp đồng với nhau, Công ty L trực tiếp thanh toán tiền cho anh và anh thanh toán tiền lại cho anh Th . Anh Th tiến hành bơm cát được 2 chiếc thì ngưng do Công ty L không yêu cầu anh bơm cát tiếp vì có sự chênh lệch về giá giữa Công ty T và Công ty L , sau khi ngừng bơm cát thì giữa Công ty T và anh Th có sự thỏa thuận thế nào thì anh không rõ. Anh và anh Th chỉ là người làm thuê cho Công ty L , còn tài sản do Công ty T quản lý là của anh Th chứ không phải là của Công ty L , bản thân anh và anh Th không phải là người của Công ty L . Giữa anh và anh Th không có tranh chấp và anh không đặt ra yêu cầu gì, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn Th khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn T về hợp đồng bơm cát và bồi thường thiệt hại. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T có trách nhiệm giao trả cho anh Nguyễn Tấn Tg (T) và ông Trần Anh L số tài sản theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2017 gồm có: Một chiếc phà bơm (xà lan) có máy bơm hiệu Cummins, máy 6D22, máy D22, 471 ống nhựa (trong đó 92 ống nhựa phi 22 và 379 ống nhựa phi 25) có tổng giá trị theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam là 603.506.000 đồng (Sáu trăm lẻ ba triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng). Đối với 02 ống nhựa đã bị bể hư hỏng, phía anh Th (T) không yêu cầu nên không xem xét.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Tấn Thvà ông Trần Anh L số tiền 2.688.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu đồng) và buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T tiếp bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Tấn Tg (T) và ông Trần Anh L mỗi ngày 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) kể từ ngày 19/9/2017 đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn T giao trả tài sản.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn T đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X và anh Nguyễn Tấn Thvề trách nhiệm hoàn trả lại phần tiền tạm ứng, lãi chậm trả và phạt hợp đồng. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T tổng số tiền 1.457.590.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

Không buộc anh Nguyễn Tấn Tg (T) cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản tiền tạm ứng của Công ty trách nhiệm hữu hạn X đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T .

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn T 268.410.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Tấn Th trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2017 bị đơn là Công ty TNHH T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Công ty không đồng ý giao tài sản cho ông Th , không đồng ý bồi thường thiệt hại mỗi ngày 4.000.000 đồng cho ông Th và ông L . Yêu cầu Công ty L phải hoàn lại tạm ứng 1.000.000.000 đồng và phải chịu lãi. Buộc Công ty L phải bồi thường thiệt hại theo hợp đồng do Công ty L vi phạm hợp đồng. Yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty Th .

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T là ông Nguyễn Thành S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Sang tranh luận cho rằng Công ty T không có lỗi trong việc quản lý tài sản hiện nay, do Công ty T ký hợp đồng cung cấp cát với Công ty L , theo quy định của hợp đồng là khi nào Công ty L đem phương tiện bơm cát đến công trình thì Công ty T cho Công ty L tạm ứng 500.000.000 đồng, do đó phương tiện bơm cát do Công ty L đưa đến công trình nên Công ty T đã cho Công ty L tạm ứng 500.000.000 đồng và khi lắp ráp ống nhựa bơm cát bị thiếu thì Công ty L tiếp tục tạm ứng 500.000.000 đồng để mua ống nhựa, như vậy khi Công ty L không thực hiện đúng hợp đồng bơm cát mà lại di chuyển phương tiện bơm cát đi nơi khác nên Công ty T mới giữ phương tiện này lại để chờ Công ty L thanh toán tiền tạm ứng, Công ty T cho rằng đã giữ tài sản của Công ty L , không giữ tài sản của ông Th và nếu khi Công ty T giữ tài sản này của ông Th thì ông Th phải chứng minh được tài sản hợp pháp của ông Th , kể cả phương tiện bơm cát và toàn bộ số ống nhựa bơm, nhưng ông Th không chứng minh được tài sản của ông Th nên Công ty T không có lỗi trong việc giữ tài sản nên không đồng ý bồi thường thiệt hại. Việc Công ty T giữ tài sản cũng đã được chính quyền địa phương đồng ý và lập biên bản, ông Th cũng thống nhất cho Công ty T giữ tài sản. Hiện nay ông Th cũng không chứng minh được toàn bộ tài sản do Công ty T giữ thuộc sở hữu hợp pháp của ông Th nên Công ty T không đồng ý trả lại tài sản cho ông Th mà yêu cầu tiếp tục giữ để đảm bảo việc thi hành án đối với số tiền tạm ứng của Công ty L . Đối với số tiền Công ty L tạm ứng 1.000.000.000 đồng của Công ty T nhưng Công ty L không thực hiện hợp đồng bơm cát theo hợp đồng kinh tế số 55 ngày 27/3/2015 nên yêu cầu Công ty L phải bồi thường thiệt hại do vi phạm điều khoản đã được ghi trong hợp đồng và phải tính lãi trên số tiền tạm ứng từ ngày tạm ứng đến ngày xét xử.

Ông L và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th và ông L tranh luận cho rằng Công ty T giữ tài sản là toàn bộ phương tiện bơm cát và ống nhựa bơm cát, Công ty T không chứng minh được đây là tài sản của Công ty L , hiện nay tài sản này là của ông Th và ông L nên Công ty T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại vì tài sản là máy bơm và phà bơm không sử dụng trong thời gian dài sẽ bị xuống cấp, hư hỏng và đây là phương tiện để gia đình ông Th sinh sống, mức thiệt hại mỗi ngày 4.000.000 đồng được căn cứ vào biên bản ngày 10/11/2015 do ông T là người đại diện theo pháp luật của Công ty T ký tên. Ngoài ra trong thời gian ông Th bơm cát cho Công ty T được 4 xà lan thì ông A không cung cấp cát, nên ông Th không có cát để bơm, từ đó ông T cũng đã thuê ông Th bơm cát cho Công ty T trong thời gian từ ngày 14/5/2015 đến ngày 8/10/2015.

Theo bảng đối chiếu số lượng và đối chiếu công nợ của Công ty T xác định đã trả cho ông Th là 1.237.080.000 đồng, sau khi trừ chi phí là 424.555.000 đồng thì số tiền của ông Th được hưởng là 812.525.000 đồng chia cho bình quân 148 ngày thì mỗi ngày ông Th thu nhập 5.490.000 đồng, vì vậy cấp sơ thẩm buộc Công ty T phải bồi thường thiệt hại cho ông Th và ông L mỗi ngày 4.000.000 đồng tính từ ngày Công ty T giữ tài sản đến ngày ông Th và ông L nhận lại được tài sản là có cơ sở. Đối với số tiền ông Th nợ của Công ty T 95.000.000 đồng thì ông Th thống nhất trả cho Công ty Th .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử phúc thẩm là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N .

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty T về việc không đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông Th và ông L mỗi ngày 4.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc Công ty T có giữ phương tiện là xà lan và phương tiện bơm cát vào ngày 10/11/2015 là thực tế có xảy ra. Nguyên nhân dẫn đến việc giữ phương tiện này là do xuất phát từ hợp đồng bơm cát số 55/ĐCCCAT ngày 27/3/2015 giữa Công ty T với Công ty L .

Theo Điều 3 của Hợp đồng số 55/ĐCCCAT ngày 27/3/2015 về việc cung cấp cát giữa Công ty T và Công ty L có quy định, khi Công ty L đem dàn bơm tới công trình thì Công ty T tạm ứng cho Công ty L số tiền 500.000.000 đồng, và khi khối lượng bơm đạt khoảng 10.000m^3 thì tiến hành nghiệm thu thanh toán 1 lần.

Như vậy, khi dàn bơm được đưa đến công trình thì Công ty T đã cho Công ty L ứng 500.000.000 đồng, thể hiện tại lệnh chi ngày 10/4/2015 (BL số 331). Sau khi lắp đặt ống bơm thì do ống nhựa đem tới công trình không đủ chiều dài ống để lắp đặt ống từ máy bơm tới nơi bơm cát nên Công ty L xin tạm ứng 500.000.000 đồng để mua ống nhựa được Công ty T đồng ý theo lệnh chi ngày 20/4/2015(BL 332).Việc Công ty T cho rằng đã cho Công ty L ứng 500.000.000 đồng để mua ống nhựa bơm cát thì Công ty T không có giấy tờ chứng minh, nhưng được ông Hoàng Văn Châu là Phó giám đốc Công ty L thừa nhận việc ứng 500.000.000 đồng vào ngày 20/4/2015 là ứng để mua ống nhựa cho đảm bảo cự ly bơm cát vì số ống nhựa khi lắp đặt bị thiếu theo số lượng ống nhựa dự kiến ban đầu là cự ly bơm 1.400m nhưng khi lắp đặt ống nhựa thì cự ly là 2.000m (BL 278). Quá trình bơm cát được 04 xà lan thì cát không được tiếp tục bơm, do Công ty L không cung cấp cát, nhưng Công ty L không có thỏa thuận khác với Công ty Th , trong thời gian dàn bơm cát không hoạt động do không có cát để bơm, nên Công ty T đã mua cát để ông Th tiếp tục bơm cát theo hợp đồng và Công ty T sẽ trả tiền công bơm cát bằng tiền công bơm theo giá của hợp đồng để đảm bảo tiến độ công trình và cũng để chờ Công ty L đến thanh toán tiền tạm ứng, ông Th đã đồng ý bơm cát cho Công ty T theo thỏa thuận bằng lời nói và đã được Công ty T cho ông Th ứng 150.000.000 đồng. Trong thời gian ông Th bơm cát cho Công ty Th , ông Th cũng không nói phương tiện bơm cát trên là của ông Th được Công ty L và ông Nguyễn Phùng Bảo A thuê. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L cũng thừa nhận trong thời

gian bơm cát, ông Th cũng không nói với Công ty T đây là tài sản của ông Th được ông A thuê.

Sau khi bơm cát xong, hoàn thành công trình thì ông Th di chuyển phương tiện bơm cát và toàn bộ số ống nhựa bơm đi nơi khác, thì Công ty T không cho ông Th di chuyển phương tiện bơm cát đi, lúc này ông Th mới nói cho Công ty T biết đây là tài sản của ông Th do ông A thuê đến Cà Mau để bơm cát cho công trình, nhưng Công ty T cho rằng đây là tài sản của Công ty L nên không đồng ý cho ông Th di chuyển phương tiện bơm cát đi nơi khác, Công ty T yêu cầu giữ phương tiện bơm cát lại để chờ Công ty L đến giải quyết số tiền tạm ứng. Công ty T đã yêu cầu chính quyền địa phương lập biên bản ngày 12/10/2015 để yêu cầu giữ phương tiện chờ Công ty L đến giải quyết. Tại biên bản này, ông Th đồng ý cho Công ty T giữ phương tiện bơm cát để chờ Công ty L đến giải quyết (BL 04), đến ngày 10/11/2015 ông Th điều khiển phương tiện bơm cát đi nơi khác, nhưng Công ty T không đồng ý và yêu cầu chính quyền địa phương lập biên bản để Công ty T được giữ dàn bơm và tất cả ống nhựa bơm cát để chờ Công ty L đến giải quyết số tiền Công ty L tạm ứng, theo biên bản thể hiện Công ty T yêu cầu được tạm giữ tài sản và cam kết không sử dụng và cũng không tác động đến tài sản, riêng ông Th có trình bày tài sản này là của ông Th , nếu sau này ai sai phạm thì phải trả cho ông Th một ngày 4.000.000 đồng (BL 287).

Xét thấy, trong thời gian phương tiện bơm cát của ông Th bị Công ty T yêu cầu chính quyền địa phương lập biên bản để chờ Công ty L đến giải quyết vì Công ty T cho rằng đây là tài sản của Công ty L . Ông Th cho rằng tài sản của ông Th nhưng ông Th không có giấy tờ gì để chứng minh đây là tài sản của ông Th . Ngày 25/11/2015 ông Th khởi kiện Công ty T để đòi lại tài sản và đòi bồi thường thiệt hại trong thời gian Công ty T giữ tài sản của ông Th là 20 ngày với số tiền thiệt hại là 80.000.000 đồng nhưng ông Th cũng không cung cấp giấy tờ để chứng minh tài sản bị Công ty T giữ là của ông Th .

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L thừa nhận trong thời gian phương tiện của ông Th bị Công ty T giữ, ông Th không có cung cấp giấy tờ gì để chứng minh quyền sở hữu tài sản trên là của ông Th , đến ngày 10/3/2016 Tòa án mời đến để hòa giải và yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh tài sản của ông Th thì ông L mới cung cấp cho Tòa án giấy tay mua xà lan được chính quyền địa phương xác nhận ngày 24/3/2015 (BL 56) nhưng theo giấy mua bán thể hiện ông Phạm Văn Ph là người bán một chiếc phà bơm bao gồm một máy Cumin và một máy bơm nước 6D22 cho ông Nguyễn Tấn Đ . Từ đó ông L trình bày tài sản này là của ông L , ông Th và ông Đ hùn tiền mua nhưng để cho ông Đ đứng tên ký hợp đồng mua bán.

Như vậy, khi Công ty T giữ toàn bộ dàn bơm cát và toàn bộ số ống nhựa bơm, Công ty T cho rằng dàn bơm cát và số ống nhựa bơm là của Công ty L vì Công ty L đã ứng số tiền của Công ty T 500.000.000 đồng để mua ống nhựa, ông Th cho rằng số ống nhựa này do ông Th mua có hóa đơn nhưng ông Th và ông L cũng không cung cấp chứng từ hóa đơn mua ống nhựa để chứng minh cho phương tiện bơm cát và ống nhựa là của ông Th và ông L . Đến ngày 12/01/2018, tại phiên tòa phúc thẩm ông L mới cung cấp cho Tòa án 04 giấy xác nhận mua ống nhựa tại

Doanh nghiệp tư nhân A , tỉnh Đồng Tháp do ông Th là người mua. Điều này chứng tỏ trong thời gian phương tiện bơm cát của ông Th bị Công ty T giữ, trong thời gian chờ giải quyết vụ án, ông Th và ông L không có giấy tờ gì để chứng minh tài sản trên thuộc sở hữu hợp pháp của mình nhưng bị Công ty T giữ là trái pháp luật.

Mặt khác, trong thời gian phương tiện bơm cát bị Công ty T giữ, ông Th có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vào ngày 04/4/2016. Tòa án nhân dân huyện N đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vào ngày 07/4/2016 (BL 75) để giao phương tiện bơm cát và toàn bộ ống nhựa bơm cát cho ông Th và ông L , nhưng sau khi Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì ông L không yêu cầu thi hành quyết định trên mà ông L thỏa thuận cho Công ty T được tiếp tục giữ toàn bộ phương tiện bơm cát trên, nên Tòa án đã ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp tạm thời (BL 124). Do đó Công ty T đã giữ phương tiện bơm cát cho đến nay.

Xét thấy phương tiện là phà bơm cát của ông Th có công suất máy trên 15 mã lực thì khi lưu thông, ông Th phải đăng ký và phải được cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Giao thông đường thủy nội địa sửa đổi bổ sung năm 2014. Đã qua, ông Th không đăng ký và cũng không có giấy tờ gì để chứng minh tài sản của ông Th và ông L , trong khi đó Công ty T cho rằng đây là tài sản của Công ty L , không giữ tài sản của ông Th .

Trong thời gian Công ty T giữ tài sản, ông Th và ông L không cung cấp giấy tờ để chứng minh tài sản bị Công ty T giữ thuộc sở hữu hợp pháp của mình, hơn nữa để hạn chế thiệt hại từ việc giữ tài sản trong thời gian chờ Tòa án giải quyết, thì Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để giao tài sản cho ông Th và ông L nhưng ông Th và ông L không nhận tài sản mà chấp nhận để cho Công ty T giữ tài sản cho đến nay.

Do đó, hiện nay ông Th cho rằng Công ty T giữ tài sản của ông Th và ông L từ ngày 10/11/2015 đến nay là lỗi của Công ty Th , nên yêu cầu Công ty T phải bồi thường thiệt hại là không có cơ sở.

[2] Đối với số tiền thiệt hại, tại hồ sơ và tại phiên tòa ông Th và ông L cho rằng thiệt hại mỗi ngày là 4.000.000 đồng nên yêu cầu Công ty T phải bồi thường thiệt hại tính từ ngày 10/11/2015 cho đến ngày nhận lại được tài sản.

Xét thấy tại biên bản ngày 10/11/2015 Công ty T yêu cầu chính quyền địa phương lập biên bản về việc Công ty T yêu cầu giữ toàn bộ dàn bơm và toàn bộ ống nhựa bơm cát là tài sản của Công ty L để chờ giải quyết với Công ty L về số tiền Công ty L nợ tạm ứng, và cam kết không sử dụng và không tác động đến tài sản, ông Th trình bày tài sản trên là của ông do ông A thuê bơm cát, nếu Công ty T giữ tài sản sai thì phải bồi thường thiệt hại mỗi ngày 4.000.000 đồng tính từ ngày Công ty tạm giữ tài sản cho đến khi được xử lý và phải chịu trách nhiệm nếu tài sản bị mất hoặc hao hụt.

Như vậy, ngoài biên bản ngày 10/11/2015 ra, ông Th không có chứng cứ gì để chứng minh thiệt hại thực tế của ông Th mỗi ngày là 4.000.000 đồng. Cấp sơ

thẩm căn cứ vào yêu cầu của ông Th được ghi vào biên bản ngày 10/11/2015 nên buộc Công ty T phải bồi thường thiệt hại tính từ ngày Công ty T giữ tài sản là ngày 10/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/9/2017 là 672 ngày, với số tiền thiệt hại mỗi ngày 4.000.000 đồng, bằng 2.688.000.000 đồng và kể từ ngày 19/9/2017 đến ngày ông Th nhận lại được tài sản, mỗi ngày Công ty T phải tiếp tục bồi thường thiệt hại 4.000.000 đồng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 12/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà mau đề nghị tạm ngừng phiên tòa để ông L cung cấp chứng cứ chứng minh thiệt hại thực tế của ông Th và ông L . Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, ông L chỉ cung cấp cho Tòa án một đơn xác nhận của bà Phan Thị Cúc Em đã xác nhận có bán ống nhựa cho ông Th và tờ giải trình của ông L về mức thu nhập của ông Th mỗi ngày là 5.490.000 đồng, đồng thời ông L cung cấp cho Tòa án một bảng đối chiếu khối lượng và một bảng đối chiếu công nợ (phô tô) không có chữ ký, nhưng Công ty T không thừa nhận bảng đối chiếu công nợ mà ông L đã đưa ra.

Xét thấy việc thiệt hại của ông Th và ông L không phải lỗi do Công ty Th , nên Công ty ThiênTân không có trách nhiệm bồi thường cho ông Th và ông L . Nếu ông Th và ông L có chứng minh được thiệt hại thì có quyền yêu cầu Công ty L và ông Nguyễn Phùng Bảo A thành một vụ dân sự khác vì Công ty L và ông Nguyễn Phùng Bảo A là người đã hợp đồng với ông Th trong việc thuê ông Th đem phương tiện bơm cát xuống công trình để Công ty L ứng của Công ty T 1.000.000.000 đồng và cam kết bơm cát để trừ vào số tiền tạm ứng, nhưng Công ty L và ông Nguyễn Phùng Bảo A không tiếp tục cung cấp cát cho ông Th dẫn đến việc phương tiện bơm cát bị Công ty T giữ lại chờ giải quyết.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty T yêu cầu được giữ phương tiện bơm cát hiện nay để đảm bảo thi hành án cho khoản nợ tạm ứng 1.000.000.000 đồng do Công ty L chưa thanh toán cho Công ty Th .

Hội đồng xét xử xét thấy, đã qua Công ty T có đơn cầu Tòa án thu thập chứng cứ để xác định phương tiện bơm cát và số ống nhựa hiện nay Công ty T đang quản lý là của Công ty L , nhưng qua biên bản làm việc với chính quyền địa phương ấp B, xã B, huyện C , tỉnh An Giang, ông Trần Văn Lm là Trưởng ấp xác định ông Ph có một chiếc phà bơm cát đã sử dụng được một thời gian thì bán cho ai thì chính quyền địa phương không biết và hiện nay ông Ph đã bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ. Vì vậy Tòa án không thể xác minh được nguồn gốc tài sản có phải của ông Ph hay không. Theo xác nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh nơi Công ty L đăng ký kinh doanh xác định phương tiện bơm cát nêu trên không có đăng ký vào tài sản của Công ty. Theo Công văn số 28/PC68 của Phòng cảnh sát đường thủy Công A tỉnh Cà Mau cũng xác định phương tiện trên không được đăng ký lưu thông đường thủy nội địa. Do đó, không có cơ sở xác định tài sản do Công ty T đang quản lý hiện nay là của Công ty L .

Hiện nay, tại hồ sơ cũng thể hiện ông Th đã có đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa vào ngày 22/10/2015 (BL 296) và giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện ngày 28/01/2016 (BL 102). Phù hợp với lời trình bày của ông

L , phương tiện trên chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa thì bị Công ty T tạm giữ.

Mặc dù, ông Th chưa có giấy tờ gì để chứng minh đây là tài sản của ông Th , nhưng các lời khai của Công ty L , ông Phước, ông Trai, ông An, ông Đ đều cho rằng tài sản trên không có liên quan đến mình và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, đồng thời toàn bộ phương tiện bơm cát là do ông Th đem đến công trình để bơm cát cho Công ty Th , vì vậy buộc Công ty T phải trả lại toàn bộ tài sản này cho ông Th là có cơ sở, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty T cho rằng đây là tài sản của Công ty L và yêu cầu tiếp tục giữ để đảm bảo thi hành án.

Cấp sơ thẩm buộc Công ty T trả lại tài sản cho ông Th và ông L trong khi ông L tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Th , nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông L cho rằng tài sản trên là của ông Th và ông L và yêu cầu Công ty T phải trả lại tài sản cho ông Th và ông L , nên cấp sơ thẩm đưa ông L là người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan nhưng ông L không có nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu đòi lại tài sản của mình nhưng cấp sơ thẩm buộc Công ty T phải trả lại tài sản cho ông Th và ông L là không đúng theo quy định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự và bản án không xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005 là thiếu sót. Do đó, cần sửa án sơ thẩm về trách nhiệm giao trả tài sản, buộc Công ty T phải trả lại tài sản cho ông Th .

Đối với quyền lợi của ông L về tài sản, thì ông L có quyền thỏa thuận với ông Th , nếu không thỏa thuận được thì ông L có quyền khởi kiện ông Th thành một vụ kiện khác.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty T yêu cầu Công ty L phải trả lại 1.000.000.000 đồng tiền tạm ứng. Không đồng ý đối trừ với số cát mà Công ty L đã bơm cho Công ty T được Công ty L xác định là 273.000.000 đồng, yêu cầu Công ty L phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng và yêu cầu tính lãi trên số tiền tạm ứng là 1.000.000.000 đồng tính từ ngày tạm ứng đến ngày xét xử.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng số 55 /HĐCCCAT ngày 27/3/2015, giữa Công ty T và Công ty L ký hợp đồng cung cấp cát cho công trình là hợp đồng kinh tế. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Công ty L đã vi phạm hợp đồng do không cung cấp cát theo hợp đồng cho Công ty Th . Do đó Công ty T có quyền khởi kiện Công ty L thành một vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty T đối với Công ty L trong vụ án do ông Th kiện Công ty T để đòi lại tài sản, tranh chấp hợp đồng bơm cát và đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 72 BLTTDS năm 2015. Do đó cần hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty T với Công ty L .

[5] Đối với số tiền ông Th tạm ứng của Công ty T 150.000.000 đồng, ông Th thừa nhận sau khi đối trừ các khoản chi phí, ông Th còn nợ lại Công ty T 95.000.000 đồng được Công ty T thừa nhận, cấp sơ thẩm buộc ông Th phải trả cho Công ty T 95.000.000 đồng là đúng, ông Th cũng không kháng cáo nên không xem xét.

[6] Đối với chi phí thẩm định giá cấp sơ thẩm buộc Công ty T phải trả cho ông Trần Anh L 3.200.000 đồng, Công ty T không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xác minh làm rõ thiệt hại của ông Th và ông L . Tuy nhiên tại hồ sơ và tại phiên tòa, ông L thừa nhận ngoài các chứng từ ông L đã cung cấp cho Tòa án tại phiên tòa phúc thẩm, thì ông L không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho thiệt hại của ông Th và ông L , hơn nữa việc xác định lỗi không phải do Công ty T nên không cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm mà chỉ hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu thanh toán tiền tạm ứng và bồi thường thiệt hại của Công ty T với Công ty L để giải quyết thành một vụ án kinh doanh thương mại khác. Sửa một phần bản án sơ thẩm về việc đòi lại tài sản, tranh chấp hợp đồng bơm cát và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng giữa ông Th với Công ty Th .

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Th phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền ông Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Th . Công ty T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 308, Điều 309, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T .

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N , tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn Th khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn T về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T có trách nhiệm giao trả cho anh Nguyễn Tấn Th (T) toàn bộ số tài sản theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2017 gồm có: Một chiếc phà bơm (xà lan) có máy bơm hiệu Cummins, máy 6D22, máy D22, 471 ống nhựa (trong đó 92 ống nhựa phi 22 và 379 ống nhựa phi 25). Đối với 03 ống nhựa đã bị bể hư hỏng, phía anh Th (T) không yêu cầu nên không xem xét.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tấn Th về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Tấn Th và ông Trần Anh L số tiền 2.688.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu đồng) và buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T tiếp tục bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Tấn Tg (T) và ông Trần Anh L mỗi ngày 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) kể từ ngày 19/9/2017 đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn T giao trả tài sản.

Buộc ông Nguyễn Tấn Th trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

Công ty T phải trả cho ông Trần Anh L chi phí thẩm định giá là 3.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hủy một phần bản án sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện N , tỉnh Cà Mau về yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn T đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X về trách nhiệm hoàn trả lại phần tiền tạm ứng, lãi chậm trả và phạt hợp đồng.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vụ án về yêu cầu của của Công ty trách nhiệm hữu hạn T đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn X theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Th phải nộp 4.750.000 đồng. Đã qua ông Th có dự nộp 19.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012843 ngày 09/12/2015 và 7.825.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012992 ngày 8/4/2016 được đối trừ. Ông Th được nhận lại 22.275.000 đồng.

Công ty T không phải chịu án phí. Đã qua Công ty T đã dự nộp 33.315.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013502 ngày 20/3/2017 được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH T không phải chịu. Đã qua Công ty có dự nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0013864 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện N ngày 02/10/2017 được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N ;
- Chi cục THADS huyện N ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Bùi Thị Phương Loan